BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Số: 419/QĐ-ĐHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và hưởng chế độ ưu tiên kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2015

CHỦ TỊCH HĐTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2015 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ quyết định số 34/QĐ-ĐHCN ngày 12/01/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ năm 2015;

Căn cứ kết quả học bổ sung kiến thức của thí sinh và kết quả xét duyệt hồ sơ dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2015;

Xét đề nghị của ông Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách 211 thí sinh đủ điều kiện dự thi kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2015 của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, trong đó: 14 thí sinh miễn thi môn Ngoại ngữ; 07 thí sinh hưởng chế độ ưu tiên Khu vực 1 *(Có danh sách kèm theo);*

Điều 2. Các Ông (Bà) Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, SĐH.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ HƯỞNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN
KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 419/QĐ-ĐHCN ngày 25 tháng 4 năm 2015 của Chủ tịch HĐTS Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh (dd/mm/yy)	Phái	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (Huyện, Tỉnh)	Hệ Đại học		Ngành dự thi	Học BSKT	Ghi chú
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo			
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hà Đức	Bình	10/05/1984	Nam	Kinh	Thọ Xuân - Thanh Hóa	KTCK	CQ	KTCK	0	
2	Nguyễn Tiến	Hưng	11/01/1984	Nam	Kinh	Phù Ninh - Phú Thọ	KTCK	CQ	KTCK	0	
3	Nguyễn Xuân	Luân	18/10/1989	Nam	Kinh	Lâm Thao - Phú Thọ	KTCĐT	CQ	KTCK	12TC	
4	Phạm Đình	Nhã	01/10/1976	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	CNCTM	TC	KTCK	10TC	
5	Lê Hoài	Sơn	16/02/1990	Nam	Kinh	Hải Hà - Quảng Ninh	CKCT	CQ	KTCK	0	
6	Nguyễn Việt	Thao	20/08/1982	Nam	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	KTCK	CQ	KTCK	0	
7	Lại Văn	Thuyền	01/11/1983	Nam	Kinh	Đông Anh - Hà Nội	KTCK	TC	KTCK	10TC	
8	Nguyễn Văn	Đảm	20/08/1979	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	CK Chế tạo máy	VLVH	KTCKĐL	12TC	
9	Đào Duy	Minh	26/09/1992	Nam	Kinh	TP Bắc Giang - Bắc Giang	KT Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	Miễn NN
10	Vũ Ngọc	Quỳnh	25/05/1988	Nam	Kinh	Ninh Giang - Hải Dương	KT Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	
11	Nguyễn Tiến	Sơn	25/07/1989	Nam	Kinh	Mỹ Đức - Hà Nội	KT Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	
12	Đào Quyết	Thắng	05/10/1977	Nam	Kinh	TP Yên Bái - Yên Bái	CNKT Ô tô	VLVH	KTCKĐL	Đã học	
13	Nguyễn Hữu	Thắng	21/10/1989	Nam	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	
14	Lương Duyên	Thống	02/02/1969	Nam	Kinh	Ba Đình - Hà Nội	Ô tô máy kéo	CQ	KTCKĐL	0	
15	Nguyễn Đức	Thủy	29/08/1990	Nam	Kinh	TP Yên Bái - Yên Bái	CK Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	
16	Trần Văn	Hướng	23/09/1990	Nam	Kinh	Kim Sơn - Ninh Bình	Ô tô	CQ	KTCKĐL	0	
17	Nguyễn văn	Dũng	26/02/1985	Nam	Kinh	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	
18	Nguyễn Đình	Long	04/07/1991	Nam	Kinh	Thanh Oai - Hà Nội	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	
19	Nguyễn Đức	Mạnh	30/11/1989	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	ĐT-VT	CQ	KTĐT	0	Miễn NN
20	Nguyễn văn	Phương	25/12/1992	Nam	Kinh	Ứng Hòa - Hà Nội	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	
21	Tạ Ngọc	Thắng	01/08/1990	Nam	Kinh	Sóc Sơn - Hà Nội	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	
22	Đào Minh	Thành	13/07/1991	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	KT Điện - ĐT	CQ	KTĐT	08TC	Miễn NN
23	Lê Mạnh	Toàn	30/09/1985	Nam	Kinh	Thạch Thành - Thanh Hóa	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
24	Nguyễn Ngọc	Tuân	02/01/1982	Nam	Kinh	Thanh Trì - Hà Nội	CNKT ĐT	CQ	KTĐT	0	
25	Nguyễn Duy	Việt	22/02/1985	Nam	Kinh	Yên Khánh - Ninh Bình	CN ĐT - VT	CQ	KTĐT	0	
26	Ngô Ngọc	Thành	28/03/1979	Nam	Kinh	Sơn Tây - Hà Nội	KT ĐT-VT	TX	KTĐT	8	
27	Khất Duy	Việt	11/03/1976	Nam	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	KT ĐT-VT	VHVL	KTĐT	10	
28	Bùi Bá Tuấn	Anh	20/07/1992	Nam	Kinh	Tĩnh Gia - Thanh Hóa	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	
29	Phạm Thanh	Bình	08/07/1985	Nam	Kinh	Thái Thụy - Thái Bình	Cử nhân Hóa	CQ	KTHH	08TC	
30	Nguyễn Như	Đông	20/08/1988	Nam	Kinh	Quế Võ - Bắc Ninh	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	
31	Trịnh Duy	Đức	22/10/1992	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	
32	Nguyễn Xuân	Dũng	05/11/1988	Nam	Kinh	TP Hải dương - Hải Dương	CN môi trường	CQ	KTHH	12TC	
33	Cao Thị Hương	Giang	04/01/1988	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	
34	Nguyễn Đức	Giáp	20/08/1986	Nam	Kinh	Lộc Hà - Hà Tĩnh	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	
35	Trần Văn	Hiệu	15/02/1978	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Hóa học	TC	KTHH	06TC	
36	Lê Văn	Khang	26/07/1976	Nam	Kinh	Thanh Trì - Hà Nội	KT Hóa	CQ	KTHH	0	
37	Nguyễn Văn Minh	Khôi	16/09/1986	Nam	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	KT Hóa	CQ	KTHH	0	
38	Nguyễn Thị Thúy	Lan	28/08/1977	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Hóa học	TC	KTHH	08TC	
39	Nguyễn Thị	Liên	08/09/1981	Nữ	Kinh	Ba Vì - Hà Nội	Hóa học	TC	KTHH	08TC	
40	Ngô Thị	Nguyên	28/05/1990	Nữ	Kinh	TX Quảng Yên - Quảng Ninh	Hóa học	CQ	KTHH	0	
41	Luân Thị	Thu	30/08/1992	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	CNKT Hóa	CQ	KTHH	0	ƯTKV
42	Đặng Mạnh	Toàn	29/10/1990	Nam	Kinh	TP Bắc Giang - Bắc Giang	Hóa học	CQ	KTHH	0	
43	Đỗ Thị Thúy	Vân	19/11/1992	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Hóa học	CQ	KTHH	0	
44	Đỗ Thế	Văn	16/11/1990	Nam	Kinh	Văn Lâm - Hưng Yên	CN sinh học	CQ	KTHH	12TC	
45	Đoàn Duy	Hùng	13/05/1987	Nam	Kinh	Thanh Trì - Hà Nội	Hóa	CQ	KTHH	0	
46	Nguyễn Hồng	Ánh	07/10/1983	Nữ	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
47	Nguyễn Thị	Bích	30/11/1984	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	07TC	
48	Đặng Khánh	Chi	29/06/1986	Nữ	Kinh	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh tế	CQ	Kế toán	09TC	
49	Nguyễn Văn	Cường	25/06/1980	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
50	Phạm Duy	Đông	26/06/1983	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
51	Quách Thị Thanh	Dung	14/05/1992	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
52	Nguyễn Quang	Dương	20/04/1979	Nam	Kinh	Hai Bà Trưng - Hà Nội	QTKD	TC	Kế toán	09TC	
53	Nguyễn Thị	Dương	05/12/1992	Nữ	Kinh	Phú Xuyên - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
54	Nguyễn Hương	Giang	01/12/1983	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
55	Nguyễn Thanh	Hà	13/07/1989	Nam	Kinh	Phù Ninh - Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
56	Đinh Thị Việt	Hà	08/11/1987	Nữ	Kinh	Ứng Hòa - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
57	Trần Thị Thúy	Hải	15/08/1991	Nữ	Mường	Mỹ Đức - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
58	Đỗ Thị	Hạnh	07/05/1991	Nữ	Kinh	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Kế toán	CQ	Kế toán	0	Miễn NN
59	Nguyễn Bích	Hạnh	08/06/1987	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
60	Mai Thị Mỹ	Hạnh	28/05/1986	Nữ	Kinh	Thanh Xuân - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
61	Vũ Thị	Hảo	15/07/1990	Nữ	Kinh	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
62	Lê Thị	Hiên	13/09/1990	Nữ	Kinh	Đông Sơn - Thanh Hóa	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
63	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	21/04/1987	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
64	Nguyễn Hải	Hòa	15/09/1982	Nam	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	TCNH	VLVH	Kế toán	09TC	
65	Ngô Thị	Hồng	07/05/1981	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
66	Đào Thị	Hồng	11/04/1990	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
67	Nguyễn Thị Hải	Huế	24/10/1974	Nữ	Kinh	Cầu Giấy - Hà Nội	Kế toán	TC	Kế toán	07TC	
68	Trần Thị	Huệ	08/01/1991	Nữ	Kinh	Mỹ Lộc - Nam Định	QTKD	CQ	Kế toán	09TC	
69	Thái Thị	Huệ	19/09/1987	Nữ	Kinh	Ứng Hòa - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
70	Trần Thị Kiều	Huệ	02/11/1985	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	TCNH	CQ	Kế toán	Đã học	
71	Nguyễn Ngọc	Hùng	03/06/1991	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
72	Nguyễn Minh	Hùng	26/11/1986	Nam	Kinh	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	Kế toán	CQ	Kế toán	0	ƯTKV
73	Trương Thị	Hương	08/12/1980	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	TX	Kế toán	07TC	
74	Nguyễn Lan	Hương	03/09/1990	Nữ	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
75	Nguyễn Thu	Hương	15/09/1987	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
76	Bùi Thị Thu	Hường	23/06/1977	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
77	Đặng Đình	Huyến	30/10/1973	Nam	Kinh	Ba Vì - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
78	Phí Thị Thu	Huyền	01/10/1989	Nữ	Kinh	Thạch Thất - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
79	Nguyễn Ngọc	Huyền	23/03/1983	Nam	Kinh	Ứng Hòa - Hà Nội	QT kế toán	CQ	Kế toán	09TC	
80	Viên Thúy	Huyền	16/11/1988	Nữ	Kinh	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
81	Nguyễn Thị	Huyền	18/12/1986	Nữ	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
82	Trương Quốc	Khánh	02/09/1977	Nam	Kinh	Thanh Oai - Hà Nội	Tin học quản lý	CQ	Kế toán	09TC	
83	Nguyễn Minh	Khôi	19/04/1990	Nam	Kinh	Đồ Sơn - Hải Phòng	Kế toán	CQ	Kế toán	0	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
84	Vũ Thị	Lan	12/07/1983	Nữ	Kinh	Hoàn Kiếm - Hà Nội	TCNH	TC	Kế toán	09TC	
85	Đoàn Thị Kim	Liên	09/12/1992	Nữ	Kinh	TP Hạ Long - Quảng Ninh	QTKD	CQ	Kế toán	09TC	
86	Trần Thùy	Linh	14/12/1979	Nữ	Kinh	TP Bắc Ninh - Bắc Ninh	TCNH	CQ	Kế toán	Đã học	
87	Hoàng Thị	Lĩnh	08/05/1988	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
88	Nguyễn Văn	Lực	01/11/1981	Nam	Kinh	Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
89	Nguyễn Thị	Lương	19/09/1983	Nữ	Kinh	Từ Sơn - Bắc Ninh	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
90	Lại Huy	Mạnh	04/09/1979	Nam	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	Kế toán	TC	Kế toán	07TC	
91	Phạm Anh	Minh	03/10/1990	Nam	Kinh	Cầu Giấy - Hà Nội	TCNH	CQ	Kế toán	09TC	
92	Nguyễn Thị Trà	My	01/03/1990	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
93	Bùi Duy	Nam	06/10/1991	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	TCNH	CQ	Kế toán	07TC	
94	Bùi Thị Bích	Ngọc	20/06/1982	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	TCNH	CQ	Kế toán	Đã học	
95	Ngô Thị Hồng	Nhi	03/12/1989	Nữ	Kinh	Diễn Châu - Nghệ An	HT thông tin	CQ	Kế toán	09TC	
96	Nguyễn Thị Trang	Nhung	23/06/1984	Nữ	Kinh	Sơn Tây - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
97	Nguyễn Hương	Phú	03/12/1989	Nữ	Kinh	Đông Triều - Quảng Ninh	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
98	Nguyễn Trần	Phương	28/08/1983	Nam	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	TCNH	TC	Kế toán	09TC	
99	Trần Thị	Quyên	05/01/1984	Nữ	Kinh	Đông Hưng - Thái Bình	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
100	Đặng Thị	Tâm	08/05/1993	Nữ	Kinh	Cầu Giấy - Hà Nội	Kế toán	TC	Kế toán	Đã học	
101	Đường Thị	Tâm	25/02/1990	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
102	Nguyễn Thị	Tâm	07/06/1989	Nữ	Kinh	Nam Trực - Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
103	Vũ Thị	Thắm	28/11/1989	Nữ	Kinh	Vụ Bản - Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
104	Nguyễn Thị	Thanh	17/04/1983	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	Đã học	
105	Đỗ Thị Phương	Thảo	13/12/1981	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	TC	Kế toán	Đã học	
106	Nguyễn Thị Ngọc	Tháp	20/01/1981	Nữ	Kinh	Tam Dương - Vĩnh Phúc	Ktế NN	TC	Kế toán	09TC	
107	Trần Thị	Thơm	30/08/1987	Nữ	Kinh	Lộc Vương - Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
108	Trần Thị	Thơm	10/06/1988	Nữ	Kinh	Trực Ninh - Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
109	Nguyễn Thị	Thủy	06/10/1981	Nữ	Kinh	Thọ Xuân - Thanh Hóa	QTKD	CQ	Kế toán	09TC	
110	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/09/1978	Nữ	Kinh	Ba Vì - Hà Nội	TCNH	CQ	Kế toán	07TC	
111	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	03/07/1979	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	TC	Kế toán	07TC	
112	Nguyễn Thị Thu	Thủy	26/11/1986	Nữ	Mường	Chương Mỹ - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
113	Nguyễn Thị	Tỏa	28/09/1989	Nữ	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
114	Lê Thị Ngọc	Trâm	09/11/1992	Nữ	Kinh	Ba Vì - Hà Nội	HT thông tin QL	CQ	Kế toán	09TC	
115	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/09/1987	Nữ	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
116	Vũ Thị Thu	Trang	25/04/1989	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
117	Lê Quang	Trung	23/05/1981	Nam	Kinh	Thanh Trì - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
118	Đoàn Thế	Trường	16/11/1991	Nam	Kinh	Nghĩa Hưng - Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
119	Trần Thế	Tuân	10/11/1983	Nam	Kinh	Kim bảng - Hà Nam	Kế toán	CQ	Kế toán	0	Miễn NN
120	Phạm Anh	Tuấn	06/10/1989	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
121	Tống Thanh	Tùng	20/10/1985	Nam	Kinh	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
122	Phạm Ngọc	Tuyền	04/08/1983	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
123	Nguyễn Đình	Vượng	20/11/1978	Nam	Kinh	Quế Võ - Bắc Ninh	Kế toán	TC	Kế toán	07TC	
124	Nguyễn Mạnh	Tuân	01/02/1991	Nam	Kinh	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
125	Nguyễn Thị Thanh	Nga	09/10/84	Nữ	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
126	Vũ Thị	Dược	09/03/1987	Nữ	Kinh	Gia Viễn - Ninh Bình	Kế toán	CQ	Kế toán	0	
127	Nguyễn Tuấn	Anh	22/04/1984	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Ktế đối ngoại	CQ	QTKD	21TC	
128	Hoàng Kiều	Anh	03/11/1992	Nữ	Kinh	TP Lào Cai - Lào Cai	Kế toán	CQ	QTKD	11TC	
129	Trần Vân	Anh	03/10/1979	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Tiếng Anh SP	TC	QTKD	21TC	Miễn NN
130	Mai Ngọc	Anh	30/01/1984	Nữ	Kinh	Cầu Giấy - Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD	11TC	
131	Nguyễn Tuấn	Anh	07/04/1987	Nam	Kinh	Quỳnh Phụ - Thái Bình	QLKT	CQ	QTKD	11TC	Miễn NN
132	Vũ Tuấn	Anh	13/05/1985	Nam	Kinh	Thanh Xuân - Hà Nội	CNTT	CQ	QTKD	21TC	
133	Phạm Thị Thúy	Anh	30/09/1991	Nữ	Kinh	Uông Bí - Quảng Ninh	Kế toán	CQ	QTKD	11TC	
134	Ngô Thanh	Bình	10/12/1988	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
135	Đoàn Văn	Cửu	30/05/1986	Nam	Kinh	P4 Q4 -TP HCM	QTKD	CQ	QTKD	0	Miễn NN
136	Nguyễn Thế	Đại	27/07/1981	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	KHMT	CQ	QTKD	21TC	
137	Nguyễn Đình	Đạt	19/10/1977	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	kế toán	TC	QTKD	11TC	
138	Đỗ Quốc	Đoàn	01/08/1979	Nam	Kinh	Văn Giang - Hưng Yên	Cơ khí chế tạo	CQ	QTKD	21TC	
139	Trần Trọng	Đức	25/03/1979	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	QLKT	CQ	QTKD	21TC	
140	Trịnh Minh	Đức	25/08/1983	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	TC	QTKD	11TC	
141	Nguyễn Trí	Dũng	27/01/1984	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Ktế Nông nghiệp	CQ	QTKD	21TC	
142	Nguyễn Hoàng	Dương	23/08/1990	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	kế toán	CQ	QTKD	11TC	
143	Vũ Thùy	Dương	09/01/1987	Nữ	Kinh	Hoàn Kiếm - Hà Nội	TCNH	VLVH	QTKD	11TC	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
144	Vũ Thị Thu	Hà	19/11/1980	Nữ	Kinh	Hai Bà Trưng - Hà Nội	Du lịch học	CQ	QTKD	21TC	Miễn NN
145	Trần Hồng	Hải	26/01/1982	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kế toán	VLVH	QTKD	11TC	
146	Trần Xuân	Hải	02/03/1991	Nam	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
147	Nguyễn Xuân	Hải	06/08/1992	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QT marketing	CQ	QTKD	07TC	Miễn NN
148	Phạm Thu	Hằng	28/10/1983	Nữ	Kinh	Thanh Xuân - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
149	Đỗ Thị	Hằng	02/12/1985	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
150	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	13/04/1983	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	TCNH	TC	QTKD	11TC	
151	Lý Đức	Hiền	07/11/1982	Nam	Sán Dìu	Vân Đồn - Quảng Ninh	XD DD CN	TC	QTKD	21TC	ƯTKV
152	Nguyễn Thị Minh	Hiền	21/04/1990	Nữ	Kinh	TP Hạ Long - Quảng Ninh	QTKD	CQ	QTKD	0	
153	Nguyễn Thế	Hiếu	03/04/1984	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
154	Đoàn Văn	Hoan	18/01/1985	Nam	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	ĐT-VT	CQ	QTKD	21TC	
155	Lâm Thị	Hồi	10/09/1982	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	VLVH	QTKD	07TC	
156	Trần Ngọc	Hưng	29/09/1976	Nam	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	QTKDCN&XDCB	TC	QTKD	21TC	
157	Trần Quang	Hưng	15/05/1982	Nam	Kinh	TP Thanh Hóa - Thanh Hóa	CN thông tin	TX	QTKD	21TC	
158	Vũ Mạnh	Hưng	25/03/1989	Nam	Kinh	Vân Đồn - Quảng Ninh	XD DD CN	CQ	QTKD	21TC	ƯTKV
159	Vương	Hưng	30/12/1983	Nam	Kinh	Vân Đồn - Quảng Ninh	CNTT	TX	QTKD	21TC	
160	Nguyễn Quang	Hưng	05/07/1989	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
161	Trần Thị Lan	Hương	20/08/1992	Nữ	Kinh	Thanh Chương - Nghệ An	QTKĐL&KS	CQ	QTKD	11TC	
162	Nguyễn Thị Thùy	Hương	23/07/1978	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
163	Phạm Lan	Hương	30/07/1986	Nữ	Kinh	Hoàng Mai - Hà Nội	Lâm nghiệp XH	CQ	QTKD	21TC	
164	Lê Thu	Hường	25/10/1985	Nữ	Kinh	Đông Anh - Hà Nội	Tiếng Nhật	CQ	QTKD	21TC	
165	Nguyễn Đức	Huy	26/02/1991	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	ĐT-VT	CQ	QTKD	21TC	
166	Nguyễn Quang	Huy	12/03/1979	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Thống kê	CQ	QTKD	11TC	
167	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/11/1985	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD	11TC	
168	Nguyễn Khắc	Khánh	30/11/1982	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
169	Hoàng Đình	Lễ	06/09/1987	Nam	Kinh	Ý Yên - Nam Định	QTKD	CQ	QTKD	0	
170	Trần Văn	Liên	21/05/1982	Nam	Kinh	Tiền Hải - Thái Bình	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
171	Đỗ Thị	Liễu	06/02/1992	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
172	Đặng Huy	Minh	11/05/1983	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
173	Phạm Thị Ngọc	Minh	21/06/1983	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
174	Ngô Thị Trà	My	01/05/1992	Nữ	Kinh	Ngô Quyền - Hải Phòng	QT marketing	CQ	QTKD	07TC	
175	Đỗ Như	Mỹ	28/05/1986	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
176	Nguyễn Thành	Nam	28/09/1992	Nam	Kinh	Từ Liêm - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
177	Vũ Phương	Ngân	16/03/1989	Nữ	Kinh	Từ Liêm - Hà Nội	Tiếng Anh	CQ	QTKD	21TC	
178	Phạm Thị Kim	Ngân	18/08/1984	Nữ	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	TCNH	VLVH	QTKD	11TC	
179	Đậu Hoàng	Nguyên	03/12/1979	Nam	Kinh	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	QTKD	CQ	QTKD	0	ƯTKV
180	Phạm Xuân	Ninh	23/05/1988	Nam	Kinh	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	kế toán	CQ	QTKD	11TC	
181	Mai Hán	Phong	13/06/1975	Nam	Kinh	Long Biên - Hà Nội	KHMT	CQ	QTKD	21TC	
182	Bùi Hồng	Quang	21/07/1986	Nam	Kinh	Vị Xuyên - Hà Giang	SP Toán	CQ	QTKD	21TC	
183	Nguyễn Quang	Sơn	22/02/1982	Nam	Kinh	Thạch Thất - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
184	Nguyễn Hoàng	Tâm	19/12/1981	Nam	Kinh	Hiệp Hòa - Bắc Giang	XD Cầu đường bộ	VLVH	QTKD	21TC	
185	Trương Ngọc	Tân	31/08/1981	Nam	Sán Dìu	Vân Đồn - Quảng Ninh	XD Đường bộ	TC	QTKD	21TC	ƯTKV
186	Nguyễn Đức	Thái	12/02/1986	Nam	Kinh	Đống Đa - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
187	Đinh Nho Hậu	Thăng	20/10/1981	Nam	Kinh	Vân Đồn - Quảng Ninh	XD DD CN	CQ	QTKD	21TC	ƯTKV
188	Vũ Đức	Thắng	19/06/1977	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKD DL&KS	CQ	QTKD	11TC	
189	Hoàng Tiến	Thanh	17/05/1982	Nam	Kinh	Phúc Thọ - Hà Nội	Ktế bảo hiểm	CQ	QTKD	11TC	
190	Trần Thị Thanh	Thảo	29/03/1979	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Tiếng Anh SP	CQ	QTKD	21TC	Miễn NN
191	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/01/1989	Nữ	Kinh	Ba Vì - Hà Nội	Tiếng Anh	CQ	QTKD	21TC	Miễn NN
192	Đặng Thị	Thịnh	07/03/1986	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu - Nghệ An	CN thực phẩm	CQ	QTKD	21TC	
193	Nguyễn Thị	Thúy	11/03/1990	Nữ	Kinh	Cẩm Phả - Quảng Ninh	QTKD	CQ	QTKD	0	
194	Ngô Thanh	Thủy	07/10/1988	Nữ	Kinh	Ba Đình - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
195	Lê Trần	Tiến	21/03/1992	Nam	Kinh	Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	QTKD	CQ	QTKD	0	
196	Nguyễn Phương	Tiến	11/09/1980	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Thống kê KTXH	CQ	QTKD	21TC	
197	Nguyễn Văn	Tiến	05/08/1991	Nam	Kinh	Đông Anh - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
198	Nguyễn Văn	Tính	18/02/1979	Nam	Kinh	Thanh Xuân - Hà Nội	TCNH	TC	QTKD	11TC	
199	Nguyễn Văn	Tình	13/11/1989	Nam	Kinh	Quốc Oai - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11 TC	
200	Nguyễn Ngọc	Tỉnh	04/02/1987	Nam	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	QT dự án	CQ	QTKD	21TC	
201	Lưu Văn	Toàn	04/02/1983	Nam	Kinh	Tam Dương - Vĩnh Phúc	ĐT-VT	CQ	QTKD	21TC	
202	Ngô Thành	Trung	20/12/1984	Nam	Kinh	Hiệp Hòa - Bắc Giang	XD DD&CN	CQ	QTKD	21TC	
203	Nguyễn Thế	Trường	06/08/1986	Nam	Kinh	Đan Phượng - Hà Nội	QTKD	VLVH	QTKD	07TC	

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
204	Nguyễn Phan Anh	Tú	02/05/1991	Nam	Kinh	Hoài Đức - Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	0	
205	Bùi Thị	Tư	13/04/1979	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm - Hà Nội	Anh Văn	CQ	QTKD	21TC	Miễn NN
206	Nguyễn Quang	Tùng	11/11/1978	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	QTKDDL	CQ	QTKD	11TC	Miễn NN
207	Lưu Thị	Tuyết	29/10/1983	Nữ	Kinh	Mê Linh - Hà Nội	Kế toán	TX	QTKD	11TC	
208	Lưu Thị	Vân	24/02/1980	Nữ	Kinh	Hà Đông - Hà Nội	QT Du lịch	CQ	QTKD	11TC	
209	Đỗ Hải	Yến	09/04/1982	Nữ	Kinh	Hai Bà Trưng - Hà Nội	TCNH	CQ	QTKD	11TC	
210	Phạm Hồng	Yến	15/07/1982	Nữ	Kinh	Ba Đình - Hà Nội	Ktế đối ngoại	CQ	QTKD	11TC	
211	Đoàn Thị	Hậu	10/12/1990	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	QT nhân lực	CQ	QTKD	11TC	

Bảng thống kê

Ngành dự tuyển	Số lượng	Nam	Nữ	Miễn NN	Ưu tiên khu vực và dân tộc (ƯTKV)
KT Cơ khí	7	7	0	0	0
KTCK. Động lực	9	9	0	1	0
KT. Điện tử	11	11	0	2	0
KT. Hóa học	18	12	6	0	1
Kế toán	81	24	57	2	1
QT Kinh doanh	85	53	32	9	5
Tổng	**211**	**116**	**95**	**14**	7

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý